

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 134/2023/HN-ST
Ngày: 29/8/2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Tiến.

2. Bà Võ Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 298/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1977 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: số B, T, phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ H – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B (yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lâm Sao H1, sinh năm 1975 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: số B, tổ A, khu phố E, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2023, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng D trình bày:*

Chị và anh Lâm Sao H1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 23/10/2006. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Nguyên nhân chị yêu cầu ly hôn với anh H1 là do thời gian đầu sống chung hạnh phúc, sau này anh H1 và chị có nhiều mâu thuẫn, không cùng quan điểm, không có tiếng nói chung, anh H1 không biết chăm lo cho gia đình, không làm kinh tế, anh H1 chỉ biết ăn chơi và hiện đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre). Chị khuyên nhiều lần nhưng không được. Cha mẹ hai bên cũng khuyên anh H1 nhưng anh H1 cũng không chịu sửa đổi. Chị và anh H1 đã sống ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân hai bên không gặp nhau, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị xác định không còn tình cảm với anh H1 và nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Lâm Sao H1.

Về con chung: có 02 con chung tên Lâm Hoàng Y, sinh ngày 29/10/2008 và Lâm Hoàng O, sinh ngày 29/7/2014, từ khi sống ly thân đến nay con chung do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, trong quá trình tố tụng bị đơn anh Lâm Sao H1 trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Hồng D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 23/10/2006. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Anh thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị D có xảy ra mâu thuẫn, không còn tiếng nói chung, hôn nhân không còn hạnh phúc và không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc. Anh và chị D sống ly thân đã 04 năm, trong thời gian sống ly thân hai bên không có hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, anh đồng ý ly hôn với chị D

Về con chung: có 02 con chung tên Lâm Hoàng Y, sinh ngày 29/10/2008 và Lâm Hoàng O, sinh ngày 29/7/2014, từ khi sống ly thân đến nay con chung do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao 02 con chung cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ H trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng D. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng D đối với anh Lâm Sao H1. Về con chung: Giao 02 con chung tên Lâm Hoàng Y, sinh ngày 29/10/2008 và Lâm Hoàng O, sinh ngày 29/7/2014 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về thủ tục tố tụng: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, vụ án đưa ra xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng D đối với anh Lâm Sao H1. Về con chung: Giao 02 con chung tên Lâm Hoàng Y, sinh ngày 29/10/2008 và Lâm Hoàng O, sinh ngày 29/7/2014 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: không có nên đề nghị không xem xét. Về nợ chung: không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng D, bị đơn anh Lâm Sao H1, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D, anh H1, chị H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng D và anh Lâm Sao H1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 23/10/2006. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh H1 là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị D và anh H1 chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, hai bên không còn tiếng nói chung, anh H1 không biết chăm lo cho gia đình, làm cho vợ chồng sống chung không còn hạnh phúc. Khi xảy ra mâu thuẫn, chị D, anh H1 không có biện pháp giải quyết mâu thuẫn cũng như không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị D và anh H1 sống ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay. Anh H1 cũng thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân giữa anh H1 và chị D có mâu thuẫn, hôn nhân không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc nên anh H1 đồng ý ly hôn với chị D. Qua đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh H1 là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị D với anh H1 là có căn cứ phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: 02 con chung tên Lâm Hoàng Y, sinh ngày 29/10/2008 và Lâm Hoàng O, sinh ngày 29/7/2014 từ khi chị D và anh H1 sống ly thân, con chung vẫn do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; đồng thời cháu Y và cháu O có nguyện vọng sống chung với chị D. Do đó, để ổn định tâm lý và sự phát triển bình thường của con chung yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung của chị D là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận; Chị D nuôi 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Xét lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ H phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

[7] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Nguyễn Thị Hồng D có nghĩa vụ nộp theo quy định tại Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng D đối với anh Lâm Sao H1.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng D có quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Lâm Hoàng Y, sinh ngày 29/10/2008 và Lâm Hoàng O, sinh ngày 29/7/2014. Ghi nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh Lâm Sao H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lâm Sao H1 có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), chị Nguyễn Thị Hồng D có nghĩa vụ phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006415 ngày 14/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Án phí vụ kiện chị D đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND Thị trấn B;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Văn Long